TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **52/**2025/HNGĐ-ST Ngày: 27/6/2025 V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Ứng Cương**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Bành Bảo Ngọc** – Kiểm Sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Diệp Tài Ngọc H,** năm 1995

Địa chỉ: Tổ 12 khu phố M, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh K.

- Bị đơn: Ông **Lê Hoài T**, sinh năm 1988

HKTT: ấp A H, xã A N, huyện CT, tỉnh ĐT

Địa chỉ: Tổ 12 khu phố M, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh K.

(Bà H, ông T có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2025, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Diệp Tài Ngọc H trình bày:***

Vào năm 2011, bà và ông Lê Hoài TT tự tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện CT, tỉnh ĐT và được UBND xã A, huyện CT, tỉnh ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 10/6/2021. Quá trình chung sống có 03 con chung gồm:

1/ Diệp Hoài Đ, sinh ngày 01/12/2014; (hiện tại đang ở với ông T)

2/Diệp Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2017; (hiện tại đang ở với ông T)

3/ Diệp Hoài P, sinh ngày 22/6/2019; (hiện tại đang ở với bà)

Về tài sản chung: có 01 căn nhà gỗ cất trên đất của cô ruột bà, không có giá trị lớn. Về nợ chung: Không có nợ chung.

Trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất hoà và luôn cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nữa. Vợ chồng bà rất thường xuyên tranh cãi với nhau, do bất đồng quan điểm trong việc chi xài tiền bạc trong gia đình và có nhiều lần cãi nhau thì ông Thanh xúc phạm người lớn nên bà đã ra nhà trọ ở và ly thân ông Thanh từ khoảng 04 tháng đến nay. Trước thời gian này thì bà và ông Thanh sống chung nhưng không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nữa, nên bà làm đơn yêu cầu giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Lê Hoài T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Diệp Hoài Đ, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Diệp Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2017 cho ông T chăm sóc nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi cháu Đ; cháu T. Bà yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Diệp Hoài P, sinh ngày 22/6/2019; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu P.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thu nhập hàng tháng của bà Hn: Bà làm thuê cho công ty tư nhân mỗi ngày thu nhập khoảng hơn 300.000 đồng, bà làm thời vụ khi nào có hàng thì làm, không có hàng thì nghỉ làm, làm khoảng 3 – 4 ngày thì được nhận tiền lương, không được chi trả bảo hiểm.

**** Tại bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Hoài T trình bày:***

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Diệp Tài Ngọc H về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về con chung gồm có 03 người con là cháu Diệp Hoài Đ, sinh ngày 01/12/2014; cháu Diệp Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2017; cháu Diệp Hoài P, sinh ngày 22/6/2019; hiện ông đang nuôi cháu Đ, cháu T, bà H đang nuôi cháu P.

Ông T xin trình bày thêm về nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng ông cũng thường xuyên tranh cãi với nhau, do bất đồng quan điểm trong việc chi xài tiền bạc trong gia đình; ngoài ra do mẹ vợ la chửi ông nên ông cũng có vài lần xúc phạm mẹ vợ và vợ. Ông xác định rằng bà H chỉ mới dọn nhà trọ ở từ cách đây khoảng 03 – 04 tháng nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông có ý kiến sau:

- Về hôn nhân: ông T không đồng ý ly hôn với bà H vì ông còn thương vợ con; ông muốn đoàn tụ gia đình, vợ chồng tiếp tục chung sống và nuôi dạy chăm lo cho con cái;

- Về con chung: Nếu bà H kiên quyết ly hôn thì ông thống nhất nuôi dưỡng cháu Diệp Hoài Đ, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Diệp Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2017, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đạt và cháu T; thống nhất giao cháu Diệp Hoài P, sinh ngày 22/6/2019 cho bà H nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi cháu P.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thu nhập hàng tháng của ông T: ông làm thuê cho công ty thuỷ sản Phúc Ngọc mỗi ngày thu nhập khoảng hơn 300.000 đồng, ông làm thời vụ khi nào có hàng thì làm, không có hàng thì nghỉ làm, làm khoảng 10 ngày thì được nhận tiền lương, không được chi trả bảo hiểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành-tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Tài Ngọc H, cho bà Diệp Tài Ngọc H ly hôn với ông Lê Hoài T theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà H và ông T thống nhất giao con chung là cháu Diệp Hoài Đ, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Diệp Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2017 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T tự nguyện không yêu cầu bà Huyền cấp dưỡng nuôi cháu Đ, cháu T; giao cháu Diệp Hoài P, sinh ngày 22/6/2019 cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và bà H tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu P. Bà H, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Diệp Tài Ngọc H và ông Lê Hoài T cùng xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng ông bà sẽ tự thoả thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết; ông bà cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Diệp Tài Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Hoài T, do đó đây là quan hệ *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo quy định

tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời bị đơn ông Lê Hoài T có địa chỉ cư trú tại khu phố MP, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Diệp Tài Ngọc H và ông Lê Hoài T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2021 và được Ủy ban nhân dân xã AN, huyện CT, tỉnh ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà Diệp Tài Ngọc Hvà ông Lê Hoài T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Diệp Tài Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoài T: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì bà H và ông T đều xác nhận sau khi cưới ông bà sống hạnh phúc với nhau được một thời gian và có con chung. Bà H xác định vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hoà tranh cãi với nhau do bất đồng quan điểm trong việc chi xài tiền bạc trong gia đình và trong nhiều lần cãi nhau thì ông T xúc phạm mẹ của bà nên bà H cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nữa nên bà H đã ra nhà trọ ở và ly thân ông T từ khoảng 04 tháng nay. Đồng thời tại phiên tòa bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T và việc bà H sống ly thân ông T thể hiện rằng bà H không còn tự nguyện chung sống với ông T nữa. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà H và ông T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hvề việc xin ly hôn với ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H và ông T cùng xác nhận trong thời gian chung sống ông bà có 03 người con chung là cháu Diệp Hoài Đ, sinh ngày 01/12/2014; cháu Diệp Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2017; cháu Diệp Hoài P, sinh ngày 22/6/2019. Tại phiên toà hôm nay bà H và ông T thoả thuận thống nhất giao con chung là cháu Diệp Hoài Đ, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Diệp Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2017 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đ, cháu T; giao cháu Diệp Hoài P, sinh ngày 22/6/2019 cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và bà Hn tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu P.

Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận nêu trên của bà H và ông T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này của ông là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ, cháu T và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82,

83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Bà H và ông T cùng xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có tài sản chung nhưng tự thoả thuận, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Diệp Tài Ngọc H về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với ông Lê Hoài T.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Diệp Tài Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Ông Lê Hoài T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 246, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Diệp Tài Ngọc H về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" với ông Lê Hoài T, cho bà Diệp Tài Ngọc H được ly hôn với ông Lê Hoài T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và ông T thống nhất giao con chung là cháu Diệp Hoài Đ, sinh ngày 01/12/2014 và cháu Diệp Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2017 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đ, cháu T; giao cháu Diệp Hoài P, sinh ngày 22/6/2019 cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và bà H tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu P.

Bà Diệp Tài Ngọc H, ông Lê Hoài T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T cùng xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có tài sản chung nhưng tự thoả thuận, ông bà không

có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết (Miễn xét).

4. Về án phí: Bà Diệp Tài Ngọc H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 10732 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện CT;
- THADS huyện CT;
- UBND xã AN, huyện CT, tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Phạm Ngọc Khánh